TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoa.

Ông Đỗ Viết Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Như Y, sinh năm 1993 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1983 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Như Y trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Y và anh Huỳnh Ngọc T tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay ghen tuông vô cớ và còn xúc phạm chị Y. Đến năm 2020, mâu thuẫn giữa vợ

chồng ngày càng trầm trọng. Chị Y nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị Y yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc S, sinh ngày 31/3/2011. Hiện tại cháu S đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị Y giao cháu S cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Y cấp dưỡng nuôi cháu S mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị Y không còn yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Ngọc T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị Y về thời điểm tiến đến hôn nhân giữa anh chị. Tuy nhiên, anh T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Y thường xuyên nhậu nhẹt và đi qua đêm; đồng thời chị Y có tình cảm với người đàn ông khác. Anh T đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh T nhận thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y.

- Về con chung: Anh T thống nhất anh và chị Y có 01 con chung là cháu S. Hiện tại cháu S đang sống chung với anh T. Nếu phải ly hôn theo quyết định của Tòa án thì anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con anh T cũng không đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Y giữ nguyên yêu cầu về ly hôn và nuôi con chung, riêng nội dung cấp dưỡng nuôi con nếu anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị có bao nhiêu sẽ cho con bấy nhiêu, bị đơn anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Như Y.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc S, sinh ngày 31/3/2011, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Như Y yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T và yêu

cầu giao con cho anh T nuôi dưỡng nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Y và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 22/9/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị Y và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Chị Y cho rằng anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ và xúc phạm chị. Anh T thừa nhận anh chị có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do chị Y thường xuyên nhậu nhẹt, đi qua đêm và lại có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Giữa chị Y và anh T không tự hàn gắn được, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y nhưng lại vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tổ chức hòa giải cho anh chị.

Thấy rằng, giữa chị Y và anh T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc S, sinh ngày 31/3/2011. Hiện tại cháu S đang sống chung với anh T. Chị Y yêu cầu giao cháu S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và được anh T thống nhất.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại cháu S đang sống chung với anh T, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu S nên cần thiết giao cháu S cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Nếu sau này anh T và chị Y có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu và chị Y thay đổi lời trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh Sang đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Như Y, chị Y được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc S, sinh ngày 31/3/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Y có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49580 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị Y đã nộp xong án phí.

Anh T không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Y được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm